

TAND HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 191/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2018
Về việc: Tranh chấp HN- GD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nương – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, Sinh năm 1965

Trú tại: Phố 1, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Trần Văn T, Sinh năm 1965

Trú tại: Thôn Thạch Đài, xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt bà C vắng mặt ông T (ông T là người đã bị tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 và bản tự khai ngày 10/8/2018 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 01/02/2000 tại UBND xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau, chỉ vài lần va chạm ông T đã bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2004. Sau khi ông T bỏ nhà đi, bà C và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi và nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm ông Trần Văn T nhưng không có kết quả. Ngày 05/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã ra quyết định tuyên bố ông Trần Văn T mất tích. Nay bà Nguyễn Thị C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn T.

- Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung là cháu Trần Văn Ch, sinh ngày 16/4/2001 hiện nay cháu đang ở với bà C. Sau khi ly hôn bà C có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông T là người đã bị tuyên bố mất tích. Vì vậy không có lời khai của ông T và không thể tiến hành việc hòa giải giữa các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Thạch Đài, xã Định Tăng, Yên Định, Thanh Hóa nên việc bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trần Văn T nhưng ông T đã mất tích. Vì vậy không có bản tự khai và không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa bà C và ông T được thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS.

Do ông Trần Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện tuyên bố mất tích nên cần áp dụng khoản 3 điều 228 Bộ luật TTDS để xét xử vắng mặt ông T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn UBND xã Định Tăng, huyện Yên Định,

tỉnh Thanh Hóa ngày 01/02/2000, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Xét yêu cầu được ly hôn của bà C thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Trần Văn T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Văn Ch, sinh ngày 16/4/2001, hiện nay cháu Ch đang sống cùng bà C. Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, bà C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch, bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà C thấy rằng: Việc bà C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng, từ khi ông T bỏ đi đến nay cháu Ch ở với bà C, tại bản tự khai cháu Trần Văn Ch cũng có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ly hôn, vì vậy cần giao cháu Trần Văn Ch cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Trần Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn Ch, sinh ngày 16/4/2001 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Văn T.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2014/0004304 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, Thanh Hóa. (Bà C đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bà C, vắng mặt ông T. Bà C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Yên Định, TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Định Tăng, Yên Định, TH;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Kỳ Anh